

Số: 26/2019/KT-AVHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29/03/2019, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên môi trường tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Dương Đình Ngọc

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 1699-2018-055-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Đào Thị Thúy Hà

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 1785-2018-055-1

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		95.840.482.702	129.675.633.622
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		639.360.977	11.314.922.994
1. Tiền	111	5	639.360.977	11.314.922.994
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.972.125.028	81.041.209.960
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	67.647.752.092	80.710.932.115
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	324.372.936	330.277.845
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV- Hàng tồn kho	140		27.228.996.697	37.296.779.435
1. Hàng tồn kho	141	8	27.228.996.697	37.296.779.435
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		-	22.721.233
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.1	-	22.721.233
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.350.396.317	6.121.860.139
II- Tài sản cố định	220		5.982.505.075	5.593.617.509
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	5.948.001.419	5.583.202.849
- Nguyên giá	222		18.906.241.292	17.110.074.019
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.958.239.873)	(11.526.871.170)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	34.503.656	10.414.660
- Nguyên giá	228		172.498.000	140.598.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(137.994.344)	(130.183.340)
VI- Tài sản dài hạn khác	260		367.891.242	528.242.630
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.2	367.891.242	528.242.630
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		102.190.879.019	135.797.493.761

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		88.291.703.738	122.329.415.121
I- Nợ ngắn hạn	310		88.291.703.738	122.329.415.121
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	2.460.841.754	4.199.955.006
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.388.592.185	7.054.201.900
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	9.187.889.957	6.851.691.901
4. Phải trả người lao động	314		-	16.081.707.563
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	1.033.646.700	3.215.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	10.147.157.450	9.963.822.164
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	61.957.600.000	74.749.638.895
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		115.975.692	213.397.692
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.899.175.281	13.468.078.640
I- Vốn chủ sở hữu	410	17	13.899.175.281	13.468.078.640
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.350.000.000	13.350.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.350.000.000	13.350.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		118.078.640	118.078.640
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		431.096.641	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		431.096.641	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		102.190.879.019	135.797.493.761

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu



Mai Thu Hằng

Kế toán trưởng



Mai Thu Hằng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Xuân Đông

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	69.013.230.699	79.058.583.801
2. Các khoản giảm trừ	02	19	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	69.013.230.699	79.058.583.801
4. Giá vốn hàng bán	11	20	56.102.960.983	60.249.270.047
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.910.269.716	18.809.313.754
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.055.045	25.360.419
7. Chi phí tài chính	22		6.481.847.606	6.999.704.666
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.481.847.606	6.999.704.666
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	5.648.902.376	9.842.971.694
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		784.574.779	1.991.997.813
11. Thu nhập khác	31	22	-	23.634
12. Chi phí khác	32	22	165.152.641	277.659.714
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	22	(165.152.641)	(277.636.080)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+41)	50		619.422.138	1.714.361.733
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	156.914.956	346.273.184
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		462.507.182	1.368.088.549
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	346	944

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu



Mai Thu Hằng

Kế toán trưởng



Mai Thu Hằng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Xuân Đông